

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: **66** /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày 30 tháng 9 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về thống nhất dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2020 nguồn
ngân sách Trung ương hỗ trợ (lần thứ nhất)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015; Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn Ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và công văn số 4538/BKHĐT-TH ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch năm 2020;

Qua xem xét Tờ trình số 1527/TTr-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2020 nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ (lần thứ nhất); Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2020 nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ (lần thứ nhất) như sau:

Dự kiến tổng nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ năm 2020: 2.518.030 triệu đồng, gồm:

1. Vốn trong nước: 1.554.851 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu (không bao gồm đối ứng ODA): 960.073 triệu đồng.

- Vốn trái phiếu Chính phủ: 107.643 triệu đồng.

- Vốn các Chương trình mục tiêu Quốc gia: 487.135 triệu đồng.

2. Vốn nước ngoài và đối ứng ODA (NSTW cấp phát): 963.179 triệu đồng.

Trong đó:

- Vốn nước ngoài ODA (không bao gồm vốn ODA vay lại): 791.358 triệu đồng.

- Vốn đối ứng ODA: 171.821 triệu đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư; Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình, Đài PTTH Quảng Bình;
- Trung tâm tin học Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Hoàng Đăng Quang

PHỤ LỤC 1
CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2020 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ
 (Kèm theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 30/9/2019 của HĐND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đánh giá dự án	Mã dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trong hạn đầu tư 2020 (đơn vị: tỷ đồng)				Năm chi trả hàng năm 2020				Dự kiến kế hoạch năm 2020			
				TMĐT		Tổng số vốn từ các nguồn (chi)		Tổng số vốn từ các nguồn (chi)		Tổng số vốn từ các nguồn (chi)		Tổng số vốn từ các nguồn (chi)		Tổng số vốn từ các nguồn (chi)		Tổng số vốn từ các nguồn (chi)		Tổng số vốn từ các nguồn (chi)	
				Tổng số vốn từ các nguồn (chi)	Tổng số vốn từ các nguồn (NSTW)	Tổng số vốn từ các nguồn (chi)	Tổng số vốn từ các nguồn (NSTW)	Tổng số vốn từ các nguồn (chi)	Tổng số vốn từ các nguồn (NSTW)	Tổng số vốn từ các nguồn (chi)	Tổng số vốn từ các nguồn (NSTW)	Tổng số vốn từ các nguồn (chi)	Tổng số vốn từ các nguồn (NSTW)	Tổng số vốn từ các nguồn (chi)	Tổng số vốn từ các nguồn (NSTW)	Tổng số vốn từ các nguồn (chi)	Tổng số vốn từ các nguồn (NSTW)	Tổng số vốn từ các nguồn (chi)	Tổng số vốn từ các nguồn (NSTW)
1	TỔNG SỐ			4.889.364	3.486.461	4.054.687	3.734.499	31.900	1.000	3.397.301	8.200	1.000	1.447.200	11.700	1.447.200	1.447.200	12.700	1.447.200	12.700
A	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			4.889.364	3.486.461	2.782.266	2.461.928	31.900	1.000	1.754.348	8.200	1.000	940.872	11.700	940.872	940.872	12.700	940.872	12.700
1	Chương trình phát triển kinh tế xã hội các vùng			2.913.362	2.338.671	1.911.363	1.649.728	31.900	1.000	1.213.757	8.200	1.000	623.688	12.700	623.688	623.688	12.700	623.688	12.700
(1)	Cải thiện kết cấu hạ tầng, khu dân cư và cơ sở hạ tầng xã hội			948.112	814.783	653.829	584.242	31.900	1.000	502.696	8.200	1.000	63.678	12.700	63.678	63.678	12.700	63.678	12.700
a	Đầu tư xây dựng																		
1	Tra cứu cứu hộ cứu nạn vùng lũ lụt và cứu hộ cứu nạn vùng lũ lụt và cứu hộ cứu nạn vùng lũ lụt		2013-2015			78.106	22.950	21.900	1.000	12.756	10.200	9.200	1.000	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700
2	Tra cứu cứu hộ cứu nạn vùng lũ lụt và cứu hộ cứu nạn vùng lũ lụt và cứu hộ cứu nạn vùng lũ lụt		Đông Hòa			265.000	108.522	108.522		209.120	142.132			26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	
3	Trung tâm cứu hộ cứu nạn vùng lũ lụt và cứu hộ cứu nạn vùng lũ lụt và cứu hộ cứu nạn vùng lũ lụt		Đông Hòa			220.872	120.500	190.000		156.622	88.000			12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	
4	Khu lưu trữ thuốc diệt sâu bệnh và thuốc trừ sâu vùng lũ lụt và cứu hộ cứu nạn vùng lũ lụt và cứu hộ cứu nạn vùng lũ lụt		Đông Hòa			71.856	41.563	41.563		39.728	34.728			6.015	6.015	6.015	6.015	6.015	
5	Tra cứu cứu hộ cứu nạn vùng lũ lụt và cứu hộ cứu nạn vùng lũ lụt và cứu hộ cứu nạn vùng lũ lụt		Quảng Trạch			80.874	50.000	24.678		42.384	21.000			3.676	3.676	3.676	3.676	3.676	
6	Tra cứu cứu hộ cứu nạn vùng lũ lụt và cứu hộ cứu nạn vùng lũ lụt và cứu hộ cứu nạn vùng lũ lụt		Quảng Trạch			101.278	48.000	28.870		51.079	25.000			1.870	1.870	1.870	1.870	1.870	
(2)	Chi đầu tư dự kiến khác			1.870.120	1.216.508	1.216.516	1.164.410		718.867	468.561			498.850	498.850	498.850	498.850	498.850	498.850	

M. M. M.



STT	Mô tả nội dung	Đơn vị tính	Năm lập kế hoạch	Mã dự án	Quyển số của dự án										Số học trong hạn dự 2015-2020 dự kiến (theo giới hạn dự phòng)	Số học trong hạn dự của các năm 2015	Số học tại trước năm 2015	Số học tại trước năm 2015
					TỔNG		Trong đó NSTW		Trong đó NNTW		Trong đó NSTW		Trong đó NNTW					
					Tổng số vốn đầu tư	Tổng số NNTW	Tổng số vốn đầu tư	Tổng số NNTW	Tổng số vốn đầu tư	Tổng số NNTW	Tổng số vốn đầu tư	Tổng số NNTW	Tổng số vốn đầu tư	Tổng số NNTW				
1																		
2	Chi ngân sách	Đồng	2015	1100000000	916.596	618.229	328.907	479.603										
3	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										
4	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										
5	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										
6	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										
7	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										
8	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										
9	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										
10	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										
11	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										
12	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										
13	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										
14	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										
15	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										
16	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										
17	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										
18	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										
19	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										
20	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										
21	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										
22	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										
23	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										
24	Chi ngân sách	Đồng	2015-2020	1100000000	1100000000	1000000000	770000000	770000000										

Handwritten signature

STT	Đơn vị tư vấn	Tên đơn vị tư vấn	Mã đơn vị tư vấn	Mã quốc gia	Chỉ định dịch vụ tư vấn			Kế hoạch trong hạn giải ngân từ 01/6/2020 đến gần hết năm 2019 (theo phân 100% dự kiến)							Kế hoạch trong hạn dự kiến đến hết năm 2019							Kế hoạch từ kế hoạch năm 2020							Ghi chú
					Số quốc gia, vùng, thành phố, huyện, thị xã	TRADIT		Tổng số tiền chi trả cho người chi trả	Trong đó: NSTW		Tổng số (chỉ từ các nguồn chi trả)	Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số (chỉ từ các nguồn chi trả)	Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số (chỉ từ các nguồn chi trả)	Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số (chỉ từ các nguồn chi trả)	Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số (chỉ từ các nguồn chi trả)	Tổng số	
						Tổng số tiền chi trả cho người chi trả	Trong đó: NSTW		Tổng số	Tổng số (chỉ từ các nguồn chi trả)			Trong đó: NSTW	Tổng số			Tổng số (chỉ từ các nguồn chi trả)	Trong đó: NSTW			Tổng số	Tổng số (chỉ từ các nguồn chi trả)			Trong đó: NSTW	Tổng số			
1				3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24				
I	Trợ cấp, trợ cấp dưỡng già không công NTSB cho tuổi đời sống nghiệp vụ Quốc gia, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch		306000-0800 ngày 27/06/2011	8.150	4.051	2.795	2.795		2.795		2.795	2.795	495	495	495				495	495	495							
01	Chi dự án dự kiến hoàn thành năm 2019			85.000	80.000	80.000	80.000	80.000		80.000		80.000	80.000	37.000	37.000	37.000				37.000	37.000	37.000							
a	Dự án chi trả B																												
I	Công và Bồi dưỡng Quốc gia, tỉnh Quảng Trạch	Quảng Trạch		81/09-0800 ngày 30/03/11	88.800	80.000	80.000	80.000		80.000		80.000	80.000	37.000	37.000	37.000				37.000	37.000	37.000							
01	Chương trình trợ cấp phát triển cho người tàn tật			408.791	418.364	418.364	418.364	418.364		418.364		418.364	418.364	14.000	14.000	14.000				14.000	14.000	14.000							
01	Chi dự án hoàn thành, khu vực dân vận tại đồng đội ngày 30/12/2019			6.254	6.000	6.000	6.000	6.000		6.000		6.000	6.000	600	600	600				600	600	600							
a	Dự án chi trả C																												
I	Sưu chiến, cấp ưu tiên tại đơn vị trước 1975	Huyện		11/09-0800 ngày 01/03/11	6.134	6.000	6.000	6.000		6.000		6.000	6.000	600	600	600				600	600	600							
01	Chương trình trợ cấp trước năm 1975	Huyện		11/09-0800 ngày 01/03/11	6.134	6.000	6.000	6.000		6.000		6.000	6.000	600	600	600				600	600	600							
a	Dự án chi trả D																												
I	Chi dự án dự kiến hoàn thành năm 2019			493.217	478.344	478.344	478.344	478.344		478.344		478.344	478.344	14.000	14.000	14.000				14.000	14.000	14.000							
a	Dự án chi trả E																												
I	Chi dự án chi trả trước năm 1975	Tỉnh		101/09-0800 ngày 01/03/11	493.217	478.344	478.344	478.344		478.344		478.344	478.344	14.000	14.000	14.000				14.000	14.000	14.000							
a	Dự án chi trả F																												
I	Chương trình trợ cấp tiền hưu chế độ sống nghiệp vụ phòng chống thiên tai, lũ lụt dân vùng đặc biệt			193.956	192.770	192.770	192.770	192.770		192.770		192.770	192.770	49.633	49.633	49.633				49.633	49.633	49.633							
01	Chi dự án hoàn thành, khu vực dân vận tại đồng đội ngày 30/12/2019			34.818	34.800	34.800	34.800	34.800		34.800		34.800	34.800	1.445	1.445	1.445				1.445	1.445	1.445							
a	Dự án chi trả G																												
I	Chi dự án chi trả trước năm 1975	Markt		63/11/09-0800 ngày 11/10/11	34.918	33.000	33.000	33.000		33.000		33.000	33.000	1.445	1.445	1.445				1.445	1.445	1.445							
a	Dự án chi trả H																												
I	Chi dự án dự kiến hoàn thành năm 2019			80.000	80.000	80.000	80.000	80.000		80.000		80.000	80.000	34.300	34.300	34.300				34.300	34.300	34.300							
a	Dự án chi trả I																												
I	Công và bồi dưỡng cho tư tá sinh Công nhân (khu vực 1 và 2)	Đa Quốc		31/09-0800 ngày 30/03/11	80.000	80.000	80.000	80.000		80.000		80.000	80.000	34.300	34.300	34.300				34.300	34.300	34.300							
01	Chương trình trợ cấp sinh kế cho người tàn tật	Tỉnh		30/09-0800 ngày 30/03/11	79.830	77.770	77.770	77.770		77.770		77.770	77.770	13.000	13.000	13.000				13.000	13.000	13.000							
I	Sưu chiến, cấp ưu tiên tại đơn vị trước năm 1975	Quảng Trạch		63/11/09-0800 ngày 01/03/11	79.010	77.770	77.770	77.770		77.770		77.770	77.770	2.700	2.700	2.700				2.700	2.700	2.700							

Memory

STT	Mô tả nội dung	Mã địa điểm	Mã dự án	Mã nguồn vốn	Chỉ số đánh giá											Chức vụ
					Chỉ số đánh giá năm 2016-2020					Chỉ số đánh giá năm 2016-2019					Chỉ số đánh giá năm 2019	
					Chỉ số đánh giá năm 2016-2017		Chỉ số đánh giá năm 2017-2018		Chỉ số đánh giá năm 2018-2019		Chỉ số đánh giá năm 2016-2017		Chỉ số đánh giá năm 2017-2018		Chỉ số đánh giá năm 2018-2019	
1	Phân bổ chi phí dự án				384.840	384.840	384.840	384.840	384.840	384.840	384.840	384.840	384.840	384.840	384.840	384.840
2	Chi phí mua sắm vật tư, thiết bị, máy móc				200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244
3	Chi phí lắp đặt và vận hành				184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596
4	Chi phí bồi đắp và cải tạo				200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244
5	Chi phí vận hành, bảo trì				184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596
6	Chi phí xây dựng và lắp đặt				200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244
7	Chi phí vận hành, bảo trì				184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596
8	Chi phí vận hành, bảo trì				200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244
9	Chi phí vận hành, bảo trì				184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596
10	Chi phí vận hành, bảo trì				200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244
11	Chi phí vận hành, bảo trì				184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596
12	Chi phí vận hành, bảo trì				200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244
13	Chi phí vận hành, bảo trì				184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596
14	Chi phí vận hành, bảo trì				200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244
15	Chi phí vận hành, bảo trì				184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596
16	Chi phí vận hành, bảo trì				200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244
17	Chi phí vận hành, bảo trì				184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596
18	Chi phí vận hành, bảo trì				200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244
19	Chi phí vận hành, bảo trì				184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596
20	Chi phí vận hành, bảo trì				200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244
21	Chi phí vận hành, bảo trì				184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596
22	Chi phí vận hành, bảo trì				200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244
23	Chi phí vận hành, bảo trì				184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596
24	Chi phí vận hành, bảo trì				200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244	200.244
25	Chi phí vận hành, bảo trì				184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596	184.596

weaver

STT	Nội dung dự án	Địa điểm dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trong hạn đầu tư năm 2015-2020 (theo định hướng)				Kế hoạch trong hạn đầu tư năm 2019				Năm các kế hoạch năm 2020				Dự kiến kế hoạch năm 2020															
				Số quyết định chấp thuận đầu tư	Tổng số vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tổng số vốn đầu tư (tỷ USD)	Tỷ lệ vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tổng số vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tổng số vốn đầu tư (tỷ USD)	Tỷ lệ vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tổng số vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tổng số vốn đầu tư (tỷ USD)	Tỷ lệ vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tổng số vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tổng số vốn đầu tư (tỷ USD)	Tỷ lệ vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tổng số vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tổng số vốn đầu tư (tỷ USD)	Tỷ lệ vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tổng số vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tổng số vốn đầu tư (tỷ USD)	Tỷ lệ vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tổng số vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tổng số vốn đầu tư (tỷ USD)	Tỷ lệ vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tổng số vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tổng số vốn đầu tư (tỷ USD)	Tỷ lệ vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tổng số vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tổng số vốn đầu tư (tỷ USD)					
																															Trong đó: SNTW	Trong đó: Nhà nước	Trong đó: Nhà đầu tư nước ngoài	Trong đó: SNTW	Trong đó: Nhà nước
1	Cấp dự án khai thác, lắp giàn khoan và hệ thống điện tại mỏ dầu khí	Đông Anh, Hà Nội	2015-2017	1	20.000	20.000	20.000	9.763	9.763	9.763	9.763	9.406	9.406	9.406	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3			
2	Đường và bãi đỗ xe tại khu vực	Đông Anh, Hà Nội	2015-2017	1	30.000	30.000	30.000	9.763	9.763	9.763	9.763	9.406	9.406	9.406	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3		
3	Đường và bãi đỗ xe tại khu vực	Đông Anh, Hà Nội	2015-2017	1	80.000	80.000	80.000	9.763	9.763	9.763	9.763	9.406	9.406	9.406	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	
4	Cấp dự án lắp ráp, lắp ráp	Đông Anh, Hà Nội	2015-2017	1	100.000	100.000	100.000	9.763	9.763	9.763	9.763	9.406	9.406	9.406	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	
5	Cấp dự án lắp ráp, lắp ráp	Đông Anh, Hà Nội	2015-2017	1	80.000	80.000	80.000	9.763	9.763	9.763	9.763	9.406	9.406	9.406	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3
6	Cấp dự án lắp ráp, lắp ráp	Đông Anh, Hà Nội	2015-2017	1	80.000	80.000	80.000	9.763	9.763	9.763	9.763	9.406	9.406	9.406	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3	16,3

Handwritten signature: *Handwritten signature*

PHỤ LỤC 2

CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2020 VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Nghị quyết số: 66 /NQ-HĐND ngày 30/9/2019 của HĐND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dự án	MB dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2019				Nhu cầu kế hoạch năm 2020				Dự kiến kế hoạch năm 2020			
			TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn TPCTP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn TPCTP																	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW
Số quyết định, nghị, thư, năm ban hành	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21				
TỔNG SỐ				1.096.749	1.076.433	1.096.749	1.076.433			908.790	908.790	107.643	107.643		107.643	107.643						
I. Các công trình				900.000	900.000	900.000	900.000			810.000	810.000	90.000	90.000		90.000	90.000						
Cấp dự án dự kiến hoàn thành năm 2020				900.000	900.000	900.000	900.000			810.000	810.000	90.000	90.000		90.000	90.000						
1	Dự án tái thiết đường to cầu Nhảy Lẻ 2 đầu đường Hố Chư Minh xã Minh Dũng		233/000-UBND ngày 14/07/2017	900.000	900.000	900.000	900.000			810.000	810.000	90.000	90.000		90.000	90.000						
II. Chương trình kiến tạo xã hội				196.749	176.433	196.749	176.433			158.790	158.790	17.643	17.643		17.643	17.643						
Cấp dự án hoàn thành, ban đầu, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2019				196.749	176.433	196.749	176.433			158.790	158.790	17.643	17.643		17.643	17.643						
Cấp dự án đầu tư xây dựng các trường mầm non và các trường tiểu học ở huyện Lệ Thủy				19.124	18.767	19.124	18.767			12.187	12.187	3.576	3.576		3.576	3.576						
1	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non xã Lệ Thủy		3362/QĐ-UBND ngày 30/05/2017	3.944	3.110	3.944	3.110			2.700	2.700	311	311		311	311						
2	Trường Mầm non xã Lệ Thủy (Khu vực Trung tâm)		2131/QĐ-UBND ngày 20/05/2017	5.166	4.650	5.166	4.650			4.185	4.185	465	465		465	465						
3	Nhà lớp học 4 phòng Trường Mầm non Kim Thủy (vực bản Cồn Càng, An Bắc, Mỹ, Trung Đôn)		2133/QĐ-UBND ngày 30/05/2017	3.967	3.110	3.967	3.110			2.700	2.700	311	311		311	311						
4	Nhà lớp 2 tầng 6 phòng Trường Mầm non K57 trung tâm xã Lệ Thủy		1206/QĐ-UBND ngày 20/05/2017	5.167	4.650	5.167	4.650			4.185	4.185	465	465		465	465						
5	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non Thủ Thủy		2181/QĐ-UBND ngày 18/05/2017	3.456	3.110	3.456	3.110			2.700	2.700	311	311		311	311						

Manuel

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư ban đầu										Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn dài hạn đến hết năm 2019				Năm đầu kế hoạch năm 2020				Dự kiến kế hoạch năm 2025				Chưa đầu tư
			TMĐT										Trong đó: vốn NSTW		Trong đó: vốn NSTW		Trong đó: vốn NSTW		Trong đó: vốn NSTW		Trong đó: vốn NSTW		Trong đó: vốn NSTW						
			Số quyết định, nghị, thông, nãu ban hành	Tổng số (hài cã các nguồn vốn)	Trong đó: vốn TPCP	Tổng số (hài cã các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (hài cã các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó:		Tổng số (hài cã các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó:		Tổng số (hài cã các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó:							
1			2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21							
6	Trung tâm học 2 tầng 8 phòng và Ngã Thép Trưng		2304/QĐ-UBND ngày 30/07/2017	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800							
7	Nhà học 2 tầng 6 phòng Trưng cầu học và Ngã Thép Nam		2304/QĐ-UBND ngày 30/07/2017	3.164	2.900	3.164	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900							
8	Nhà học 2 tầng 6 phòng Trưng Thủ học và Hàng Thép		2304/QĐ-UBND ngày 30/07/2017	3.533	2.533	3.533	2.533	2.533	2.533	2.533	2.533	2.533	2.533	2.533	2.533	2.533	2.533	2.533	2.533	2.533	2.533	2.533							
9	Nhà học 2 tầng 6 phòng Trưng Thủ học số 1 và Hàng Thép		2304/QĐ-UBND ngày 30/07/2017	2.194	2.000	2.194	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000							
10	Nhà học 2 tầng 4 phòng Trưng Thủ học Thép - Bùn, Trung tâm Khu K&L		2314/QĐ-UBND ngày 29/07/2017	2.222	2.000	2.222	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000							
11	Trung PTĐT học no TT và THCS Ngã Thép (2 đôn trường)		2311/QĐ-UBND ngày 29/07/2017	2.201	2.000	2.201	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000							
12	Trung Thủ học 2 tầng 6 phòng và Thủ Thép		2314/QĐ-UBND ngày 30/07/2017	2.111	2.000	2.111	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000							
	Các dự án đầu tư xây dựng các trường mẫu mìn và các trường mầm học ở huyện Quảng Ninh			14.807	12.300	14.807	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300							
1	Nhà học 2 tầng 6 phòng mẫu mìn trong đôn và Trưng Xuân, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bìn		2341/QĐ-UBND ngày 30/07/2017	3.140	4.660	3.140	4.660	4.660	4.660	4.660	4.660	4.660	4.660	4.660	4.660	4.660	4.660	4.660	4.660	4.660	4.660	4.660							
2	Nhà học 2 tầng 6 phòng Trưng Thủ học và Thủ Bùn		2327/QĐ-UBND ngày 30/07/2017	3.222	2.900	3.222	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900							
3	Nhà học 2 tầng 6 phòng Trưng Thủ học Long Sơn, xã Trưng Sơn		2323/QĐ-UBND ngày 30/07/2017	3.222	2.900	3.222	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900							
4	Nhà học 2 tầng 6 phòng Trưng Thủ học đôn và Thủ Thủ học Trưng Xuân		2323/QĐ-UBND ngày 30/07/2017	3.222	2.900	3.222	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900							
	Các dự án đầu tư xây dựng các trường mẫu mìn và các trường mầm học ở huyện B&T Trưng			27.963	21.618	27.963	21.618	21.618	21.618	21.618	21.618	21.618	21.618	21.618	21.618	21.618	21.618	21.618	21.618	21.618	21.618	21.618							

Handwritten signature

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2019				Nhu cầu kế hoạch năm 2020				Dự kiến kế hoạch năm 2020				Ghi chú
			TMDT				Trong đó: vốn NSTW				Trong đó: vốn NSTW				Trong đó: vốn NSTW								
			Tổng số các ngành (vốn)	Trong đó: vốn TFCP	Tổng số các ngành (vốn)	Tổng số các ngành (vốn)	Tổng số các ngành (vốn)	Tổng số các ngành (vốn)	Tổng số các ngành (vốn)	Tổng số các ngành (vốn)	Tổng số các ngành (vốn)	Tổng số các ngành (vốn)	Tổng số các ngành (vốn)	Tổng số các ngành (vốn)	Tổng số các ngành (vốn)	Tổng số các ngành (vốn)	Tổng số các ngành (vốn)	Tổng số các ngành (vốn)	Tổng số các ngành (vốn)	Tổng số các ngành (vốn)			
1	Trường Mầm non Mỹ Trạch 2, tầng 6 phòng (học và trung tâm)	3	5.061	3.110	3.110	5.061	3.110	3.110	2.799	2.799	311	311	311	311	311	18	19	20	21				
2	Trường TH 2 tầng 6 phòng và P.Hu		3.222	2.900		3.222	2.900		2.810	2.810	290	290				290							
3	Trường Tiểu học 2 tầng 10 phòng và Liên Trạch (Khu vực Trung tâm, khu vực Tân Trang)		3.444	4.000		3.444	4.000		4.410	4.410	490	490				490							
4	Trường Tiểu học Liên Trạch		3.269	2.900		3.269	2.900		2.610	2.610	290	290				290							
5	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng Trường Tiểu học và 2 Phòng Trách		3.222	3.000		3.222	2.900		2.610	2.610	290	290				290							
6	Nhà lớp học 2 tầng 9 phòng Trường Tiểu học và 1 Kelas Trách		3.222	3.000		3.222	2.900		2.610	2.610	290	290				290							
7	Máy dùng điện trường học 51 và Trường Trách		2.136	2.000		2.136	2.000		1.800	1.800	200	200				200							
8	Máy dùng điện trường học Nông trường và 1 Nông trường và Trường Trách		3.186	3.000		3.186	2.000		1.800	1.800	200	200				200							
9	Các dự án đầu tư xây dựng các trường mầm non và các trường tiểu học ở huyện Quảng Trạch		46.829	45.429		46.829	45.429		42.228	42.228	4.992	4.992				4.992							
1	Trường Mầm non thôn Tô Loan và Quảng Hưng (4 phòng)		3.456	3.110		3.456	3.110		2.799	2.799	311	311				311							
2	Nhà lớp học 4 phòng trường Mầm non thôn Vĩnh Sơn và Quảng Đông		3.455	3.110		3.455	3.110		2.799	2.799	311	311				311							
3	Nhà lớp học 4 phòng 2 tầng trường Mầm non và Cảnh Hòa		3.444	3.100		3.444	3.100		2.790	2.790	310	310				310							
4	Nhà lớp học 4 phòng Trường Mầm non Cảnh Kim		3.444	3.100		3.444	3.100		2.790	2.790	310	310				310							

weaver

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Số quyết định, thông tin ban hành	Quyết định tư vấn đầu tư ban đầu				Kế hoạch năm trung hạn 5 năm gần nhất										Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2019			Như sau kế hoạch năm 2020						Dự kiến kế hoạch năm 2021					Chú thích
				TSCDT				Trong đó: vốn NSTW										Trong đó: vốn NSTW			Trong đó: vốn NSTW											
				Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn TFCP	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó:		Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó:		Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó:										
				Thu hút các khoản vốn ngoài nước NSTW	Thanh toán nợ KTCG ¹⁹					Thu hút các khoản vốn ngoài nước NSTW	Thanh toán nợ KTCG ¹⁹								Thu hút các khoản vốn ngoài nước NSTW	Thanh toán nợ KTCG ¹⁹												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21												
5	Nhà máy lọc 4 phân Trùng Minh và Quặng Thiếc (Nhà máy Trùng Minh)		2114/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	3.444	1.100	3.444	1.100		2.790	2.790	310	310				310	310															
6	Trùng Minh lọc 2 tầng 6 phân		2114/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	3.222	2.900	3.222	2.900		2.610	2.610	290	290				290	290															
7	Trùng Minh lọc 1 và Quặng Phai (2 tầng 5 phân)		2114/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	3.222	2.900	3.222	2.900		2.610	2.610	290	290				290	290															
8	Nhà máy lọc 2 tầng 6 phân nhà lọc số 1 Quặng Thiếc		2114/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	3.222	2.900	3.222	2.900		2.610	2.610	290	290				290	290															
9	Nhà máy lọc 6 phân 2 tầng Trùng Minh lọc số 1 Quặng Chì		2114/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	4.200	1.900	4.200	3.900		3.510	3.510	390	390				390	390															
10	Trùng Minh lọc 6 phân 2 tầng nhà lọc số 1A, Quặng Thiếc		2114/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	1.222	2.900	3.222	2.900		2.610	2.610	290	290				290	290															
11	Nhà máy lọc 2 tầng 4 phân Trùng Minh lọc Quặng Thiếc, nhà lọc nhà số 1		2114/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	2.600	2.900	2.609	2.000		1.800	1.800	300	300				300	300															
12	Nhà máy lọc 4 phân 2 tầng Trùng Minh lọc Quặng Thiếc và nhà lọc		2114/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	3.400	2.900	3.401	2.900		2.610	2.610	290	290				290	290															
1	Các dự án đầu tư xây dựng các công trình mới và cải tạo công trình nhà máy số 1 và nhà lọc		11.612	12.400	12.401	12.400	-	11.212	11.212	1.248	1.248	-	1.248	1.248	-	1.248	1.248	-	-													
1	Nhà máy lọc 4 phân 2 tầng Trùng Minh lọc số 1 và Quặng Lát		2114/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	5.200	4.600	5.200	4.600		4.212	4.212	468	468				468	468															
2	Nhà máy lọc 4 phân 2 tầng Trùng Minh lọc Quặng Thiếc		2114/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	1.222	1.900	3.222	2.900		2.610	2.610	290	290				290	290															
3	Nhà máy lọc 2 tầng 6 phân Trùng Minh lọc số 2 và Quặng Vài		2114/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	2.987	2.900	2.987	2.900		2.610	2.610	290	290				290	290															
4	Trùng Minh lọc Quặng Minh A (2 tầng 6 phân)		2114/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	2.222	1.000	2.222	2.000		1.800	1.800	200	200				200	200															

Handwritten signature

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn đã giao đầu tư năm 2019				Nhu cầu kế hoạch năm 2020				Dự kiến kế hoạch năm 2020				Chi chú
			TMEDY		vốn NSTW		vốn NSTW		vốn NSTW		vốn NSTW		vốn NSTW		vốn NSTW		vốn NSTW		vốn NSTW				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn TPCP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
			4	3	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21			
	Các Dự án đầu tư xây dựng các trường tiểu học ở huyện Hòa Bình			26.145	21.688	26.145	21.688	-	-	22.249	22.249	2.160	2.160	-	-	2.160	2.160	-	-	2.160			
1	Trường Tiểu học Thị trấn và Thị trấn Hòa		2142QB-UBND ngày 30/6/2017	2.222	2.000	2.222	2.000			1.800	1.800	200	200			200	200			200			
2	Trường TH & THCS số 1 Trường Hòa (Điểm trường)		2333QB-UBND ngày 30/6/2017	2.200	2.000	2.200	2.000			1.800	1.800	200	200			200	200			200			
3	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng Trường TH Tân Ninh, Trường Hòa		2378QB-UBND ngày 30/6/2017	3.214	3.000	3.214	2.900			3.610	2.610	290	290			290	290			290			
4	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường TH số 1, số 2 Trường Hòa		2354QB-UBND ngày 30/6/2017	4.292	3.900	4.292	3.900			3.510	3.510	390	390			390	390			390			
5	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường TH Hòa Lương, Hòa Sơn		2356QB-UBND ngày 30/6/2017	2.212	2.000	2.212	2.000			1.800	1.800	200	200			200	200			200			
6	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường tiểu học Hòa Tiến		2380QB-UBND ngày 30/6/2017	2.182	2.000	2.182	2.000			1.800	1.800	200	200			200	200			200			
7	Trường Tiểu học Xuân Hòa (6 phòng)		2328QB-UBND ngày 30/6/2017	3.205	3.000	3.205	2.900			3.610	2.610	290	290			290	290			290			
8	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Tiểu học Yên Hòa		2340QB-UBND ngày 30/6/2017	2.482	2.000	2.482	2.000			1.800	1.800	200	200			200	200			200			
9	Trường tiểu học số 1, 2 Tân Hòa (8 phòng)		2350QB-UBND ngày 30/6/2017	4.333	3.000	4.333	3.000			3.510	3.510	390	390			390	390			390			
	Các Dự án đầu tư xây dựng các trường mẫu giáo và các trường tiểu học ở huyện Tân Ninh			14.548	11.790	14.548	11.790			28.518	28.518	3.170	3.170			3.170	3.170			3.170			
1	Nhà lớp học 4 phòng Trường MN Ngự Hòa		2333QB-UBND ngày 30/6/2017	3.444	3.100	3.444	3.100			2.790	2.790	310	310			310	310			310			
2	Nhà lớp học 4 phòng 2 tầng Trường MN Tân Ninh, xã Kạn Hòa		2337QB-UBND ngày 30/6/2017	3.444	3.100	3.444	3.100			2.790	2.790	310	310			310	310			310			

Handwritten signature

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch hiện trạng ban 5 năm gần đây				Kế hoạch trong bản dự báo đầu tư năm 2019				Kế hoạch trong bản dự báo đầu tư năm 2020				Dự kiến kế hoạch năm 2020	Chưa chi
			TMĐT				2016-2020				2019				2020					
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn TTCP	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó vốn NSTW	Trong đó: - Thu hút các khoản vốn vay nước ngoài	Thanh toán nợ AD/CĐ ¹⁶	Tổng số	Trong đó vốn NSTW	Trong đó: - Thu hút các khoản vốn vay nước ngoài	Thanh toán nợ AD/CĐ ¹⁶	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó vốn NSTW	Trong đó: - Thu hút các khoản vốn vay nước ngoài		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
2	Nhà máy lọc 4 phòng 2 tầng Trường THPT Bắc Sơn		224/QĐ-UBND ngày 20/02/2017	3.444	3.100	3.444	3.100			2.790	2.790	310	310			310	310			
3	Nhà máy lọc 4 phòng 2 tầng Trường THPT Cẩm Quế		219/QĐ-UBND ngày 20/02/2017	3.403	2.100	3.403	3.100			2.790	2.790	310	310			310	310			
4	Nhà máy lọc 6 phòng 2 tầng Trường THPT Cẩm Quế		219/QĐ-UBND ngày 20/02/2017	3.222	2.900	3.222	2.900			2.610	2.610	290	290			290	290			
5	Nhà máy lọc 6 phòng 2 tầng Trường THPT Thanh Thủy		219/QĐ-UBND ngày 20/02/2017	3.222	2.900	3.222	2.900			2.610	2.610	290	290			290	290			
6	Nhà máy lọc 6 phòng 2 tầng Trường THPT Đông Bắc		211/QĐ-UBND ngày 18/01/2017	3.207	3.000	3.207	2.000			1.800	1.800	200	200			200	200			
7	Nhà máy lọc 6 phòng 2 tầng Trường THPT Đông Bắc		211/QĐ-UBND ngày 18/01/2017	3.205	2.900	3.205	2.900			2.610	2.610	290	290			290	290			
8	Nhà máy lọc 6 phòng 2 tầng Trường THPT Đông Bắc		211/QĐ-UBND ngày 18/01/2017	2.809	2.800	2.809	2.800			2.530	2.530	280	280			280	280			
9	Nhà máy lọc 6 phòng 2 tầng Trường THPT Đông Bắc		211/QĐ-UBND ngày 18/01/2017	2.924	2.900	2.924	2.900			2.610	2.610	290	290			290	290			
10	Nhà máy lọc 6 phòng 2 tầng Trường THPT Thanh Thủy		211/QĐ-UBND ngày 18/01/2017	2.924	2.900	2.924	2.900			2.610	2.610	290	290			290	290			
11	Nhà máy lọc 6 phòng 2 tầng Trường THPT Thanh Thủy		211/QĐ-UBND ngày 18/01/2017	2.924	2.900	2.924	2.900			2.610	2.610	290	290			290	290			

Handwritten signature

Số: **67** /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày **30** tháng 9 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường cứu hộ, cứu nạn từ Quốc lộ 1A đến di tích lịch sử chiến thắng Xuân Bò kết nối khu du lịch và khu tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (giai đoạn 1)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015; Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1873/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ vốn từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2018 cho các địa phương thực hiện các nhiệm vụ cấp bách và Công văn số 560/BTC-ĐT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc hỗ trợ vốn từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2018;

Qua xem xét Tờ trình số 1525/TTr-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường cứu hộ, cứu nạn từ Quốc lộ 1A đến di tích lịch sử chiến thắng Xuân Bò kết nối khu du lịch và khu tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (giai đoạn 1); Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường cứu hộ, cứu nạn từ Quốc lộ 1A đến di tích lịch sử chiến thắng Xuân Bò kết nối khu du lịch và khu tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (giai đoạn 1) với các nội dung sau:

1. Tên Dự án: Đường cứu hộ, cứu nạn từ Quốc lộ 1A đến di tích lịch sử chiến thắng Xuân Bô kết nối khu du lịch và khu tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (giai đoạn 1).

2. Đơn vị được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy.

3. Mục tiêu đầu tư: Góp phần hoàn thiện mạng lưới giao thông của khu vực, đảm bảo nhu cầu vận tải, đi lại của nhân dân, giải quyết được tình trạng ách tắc giao thông trong mùa mưa lũ và cứu hộ, cứu nạn cho nhân dân trong khu vực, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và sự phát triển đồng đều của các vùng miền trên địa bàn huyện. Thúc đẩy ngành du lịch phát triển mạnh mẽ sau khi kết nối các điểm du lịch trong vùng như: Chùa Hoàng Phúc, Nhà lưu niệm đại tướng Võ Nguyên Giáp, Khu lăng mộ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh, Suối nước nóng Bang.

4. Quy mô đầu tư và giải pháp kỹ thuật:

4.1. Quy mô đầu tư: Tuyến đường có tổng chiều dài dự kiến 4.100m.

4.2. Giải pháp kỹ thuật:

+ Quy mô các tuyến đường theo tiêu chuẩn đường ô tô cấp IV đồng bằng, vận tốc thiết kế 60km/h.

+ Trắc ngang thiết kế:

Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 9,0m$.

Bề rộng mặt đường: $B_{mặt} = 7m$.

Bề rộng lề đường: $B_{lề} = 2 \times 1,0 = 2,0m$.

+ Kết cấu mặt đường: Cấp cao A2, láng nhựa.

+ Hệ thống thoát nước ngang: Bố trí hệ thống thoát nước ngang qua đường đảm bảo thoát nước địa hình.

+ Hệ thống thoát nước dọc: Thiết kế rãnh dọc có tiết diện hình thang với kích thước 40x40x120cm gia cố bằng đá hộc xây vữa.

+ Công trình cầu: Trên tuyến gồm 02 cầu vượt sông, cụ thể:

Cầu Sao Vàng dự kiến dài 24m bằng BTCT dự ứng lực.

Cầu Cháy trên sông Đâu Giang dự kiến dài 60m bằng BTCT dự ứng lực.

+ Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí hệ thống an toàn giao thông theo QCVN41: 2012.

5. Địa điểm đầu tư: Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

6. Tổng mức đầu tư: 80.000 triệu đồng (Tám mươi tỷ đồng).

7. Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn

7.1. Nguồn vốn

- Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2018: 80.000 triệu đồng.

7.2. Khả năng cân đối vốn

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Tổng số (triệu đồng)	Nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2018	Nguồn khác
Năm 2019	80.000	80.000	
Tổng cộng	80.000	80.000	

8. Thời gian thực hiện Dự án: Năm 2019 - 2020.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư; Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình, Đài PTTH Quảng Bình;
- Trung tâm tin học Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Hoàng Đăng Quang

NGHỊ QUYẾT

Chấp thuận báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án dự kiến sử dụng nguồn vốn dự phòng chung ngân sách Trung ương và nguồn điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015; Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Tờ trình số 110/TTr-CP ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về phương án phân bổ vốn dự phòng chung vốn NSTW trong nước còn lại và 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Qua xem xét Tờ trình số 1524/TTr-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án dự kiến sử dụng nguồn vốn dự phòng chung ngân sách Trung ương và nguồn điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn dự phòng chung ngân sách Trung ương và nguồn điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 như sau:

1. Tên dự án: (có Phụ lục chi tiết kèm theo).

2. Đơn vị được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Ủy ban nhân dân các huyện nơi thực hiện dự án.

3. Mục tiêu đầu tư: (có Phụ lục chi tiết kèm theo).

4. Quy mô đầu tư, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn: (có Phụ lục chi tiết kèm theo).

5. Địa điểm đầu tư: Tại các huyện triển khai thực hiện dự án.

6. Thời gian thực hiện đầu tư: Theo kế hoạch bố trí vốn và theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư; Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình, Đài PTTH Quảng Bình;
- Trung tâm tin học Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Hoàng Đăng Quang

PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN ĐƯỢC HỖ TRỢ TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGUỒN ĐIỀU CHỈNH GIẢM NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỔ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN QUẢN TRỊ CÔNG GIA CỦA KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 30/9/2019 của HĐND tỉnh Quảng Bình)



STT	Danh mục dự án	Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	TMBT dự kiến (trệu đồng)	Nguồn vốn dự kiến
Tổng cộng					
I	HUYỆN LỆ THUY			800.000	
1	Đường cầu bê, cầu nân từ Quốc lộ 1A đến di tích lịch sử chiến thắng Xuân Bò kết nối khu du lịch và khu tương niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (giai đoạn 2)	Góp phần hoàn thiện mạng lưới giao thông của khu vực, đảm bảo nhu cầu vận tải, đi lại của nhân dân, giải quyết được tình trạng tắc tắc giao thông trong mùa mưa lũ, phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và sự phát triển đồng đều của các vùng miền trên địa bàn huyện	D13- Tuyến đường có tổng chiều dài khoảng D13- Quy mô các Tuyến đường theo tiêu chuẩn đường ô tô cấp IV đồng bằng. Kết cấu mặt đường cấp cao A2, láng nhựa.	200.000	Nguồn dự phòng chung vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2016-2020
II	HUYỆN QUẢNG TRẠCH				
1	Kê và đường giao thông khu vực hồ Bàu Sen trung tâm huyện lỵ mới, huyện Quảng Trạch	Đầu tư xây dựng Kê và đường giao thông khu vực hồ Bàu Sen trung tâm huyện lỵ mới, huyện Quảng Trạch nhằm chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật và tạo điểm nhấn kiến trúc cảnh quan khu trung tâm huyện lỵ, vừa nâng cấp hồ để trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt cho vùng lân cận. Mặt khác, dẫn hình thành mới đô thị Quảng Phương theo định hướng của Thủ tướng chính phủ và của UBND tỉnh Quảng Bình, góp phần chỉnh trang, đồng bộ cơ sở hạ tầng của huyện Quảng Trạch.	Xây dựng Kê và đường giao thông khu vực hồ Bàu Sen trung tâm huyện lỵ mới theo quy hoạch đã được phê duyệt có tổng chiều dài tuyến kè dự kiến 1-5,5km và đường giao thông 1-2,2km	250.000	Nguồn dự phòng chung vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020
III	HUYỆN TUYẾN HÒA				
1	Đường nối từ xã Ngư Hòa huyện Tuyên Hòa đến xã Quảng Hợp huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Việc đầu tư tuyến đường từ xã Ngư Hòa, huyện Tuyên Hòa đến xã Quảng Hợp huyện Quảng Trạch góp phần hoàn thiện mạng lưới giao thông của khu vực, đảm bảo nhu cầu vận tải, đi lại của nhân dân, giải quyết được tình trạng tắc tắc giao thông trong mùa mưa lũ, phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khai thác quỹ đất để phát triển hạ tầng, tạo vẻ đẹp mỹ quan cho khu vực dự án và kết nối giao thông trong khu vực, góp phần phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng	Đường giao thông cấp VI đôi nôi với tổng chiều dài L= 9,800m. Mặt đường cấp cao A2. Bố trí hệ thống thoát nước, cầu cống thoát nước ngang tuyến và hệ thống an toàn giao thông theo quy định	90.000	Nguồn dự phòng chung vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020

STT	Danh mục dự án	Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	TMDT dự kiến (triệu đồng)	Nguồn vốn dự kiến
IV	HUYỆN BỐ TRẠCH				
1	Khắc phục khẩn cấp các đoạn sụt lở xung yếu bờ sông, bờ biển trên địa bàn huyện Bồ Trách nhằm bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản, đất đai của người dân và các cơ sở hạ tầng quan trọng, đảm bảo ổn định đời sống sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống, phát triển kinh tế - xã hội trong vùng và địa phương. Từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng các tuyến đê, kè hai bên bờ sông trên địa bàn huyện Bồ Trách nhằm chống sụt lở trong mùa mưa lũ; điều tiết lũ, chống ngập lụt cho vùng hạ du và chống xâm nhập mặn cho khu vực dự án; góp phần ứng phó biến đổi khí hậu, tạo cảnh quan, mỹ quan và cải thiện môi trường sống của nhân dân	<p>- Kè khắc phục khẩn cấp sụt lở xung yếu bờ sông sông Ngạn Rào (thượng nguồn sông Sơn) đoạn qua xã Xuân Trạch với chiều dài khoảng L = 500 m. Chiều cao kè trung bình khoảng 10m-15m.</p> <p>- Kè khắc phục khẩn cấp sụt lở xung yếu bờ sông Đình đoạn qua xã Đại Trạch với chiều dài khoảng L = 500m. Chiều cao kè trung bình khoảng 10m-15m.</p> <p>- Khắc phục khẩn cấp sụt lở xung yếu tuyến đê, kè sông Thanh Ba đoạn qua xã Thanh Trạch, Bắc Trạch, gồm: + Tuyến đê, kè bờ hữu: Xây dựng, củng cố nâng cấp tuyến đê, kè bờ hữu sông Thanh Ba có điểm đầu ở thôn 9 xã Bắc Trạch chạy dọc theo bờ hữu đến điểm cuối tại Hải đội 2 - BCH ĐBBP tỉnh với tổng chiều dài L = 2.100m. + Tuyến kè bờ tả: Nâng cấp, gia cố mái kè, chân kè một số đoạn cục bộ trên tuyến kè bờ tả sông Thanh Ba với chiều dài L = 1.000m</p>	100.000	Nguồn Dự phòng chung vốn ngân sách Trung ương trong nước và 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án giám nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	
V	THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI				
1	Kè biển Hải Thành- Quang Phú (gđ 2)	Đầu tư xây dựng tuyến kè nhằm khắc phục tình trạng sụt lở do ảnh hưởng của triều cường, bảo vệ an toàn tài sản, tính mạng người dân và ổn định đời sống của nhân dân, bảo vệ cơ sở hạ tầng phòng chống giảm nhẹ thiên tai, đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường, góp phần phát triển kinh tế xã hội cho thành phố	Đầu tư xây dựng tuyến kè biển và công trình trên kè bảo vệ khu dân cư, có chiều dài khoảng L = 2,0 km, tiếp giáp với tuyến kè giai đoạn 1 đi về phía Bắc	100.000	Nguồn vốn 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
2	Kè chống sụt lở cửa sông biển Nhật Lệ khu vực Hà Thôn - Cửa Phú	Đầu tư dự án nhằm hoàn thiện hệ thống kè bảo vệ bờ sông Nhật Lệ, đảm bảo chống sụt lở, ngập lụt do các tác động từ sông và biển, bảo vệ khu dân cư, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư, đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường, đồng thời phát triển du lịch, kinh tế và tạo cảnh quan đô thị cho thành phố Đồng Hới.	Tuyến kè xây dựng nằm trên bờ hữu sông Nhật Lệ đoạn qua các thôn Hà Thôn, Hà Trung, Cửa Phú xã Bảo Ninh với tổng chiều dài L = 2,0 km, bắt đầu từ cầu Nhật Lệ 2 tại vị trí cuối của tuyến kè đã thi công bám theo bờ hữu lên đến Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ	60.000	Nguồn vốn 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2021

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Tượng đài
Chủ tịch Hồ Chí Minh với nhân dân Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015; Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Qua xem xét Tờ trình số 1526/TTr-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh với nhân dân Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh với nhân dân Quảng Bình, với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Dự án: Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh với nhân dân Quảng Bình.
2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng (Tượng đài ngoài trời), cấp III.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Bình.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới.

5. Quy mô đầu tư: Dự án Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh với nhân dân Quảng Bình có diện tích sử dụng đất khoảng 0,39 ha (khu đất có ký hiệu TĐ thuộc quy hoạch chi tiết Quần thể tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh), với quy mô cụ thể:

- Về cụm tượng đài: Quy mô nhóm tượng 7 nhân vật; chất liệu nhóm tượng bằng hợp kim đồng có chiều dày 2cm - 2,5 cm; tượng Bác Hồ cao 5,4 mét; các nhân vật còn lại có kích thước tương ứng và phù hợp với tượng Bác Hồ.

- Bộ tượng được làm bằng bê tông cốt thép, mặt ngoài ốp đá tự nhiên, cao khoảng 1,5m đến 3,5m.

- Phần cánh buồm sau lưng cụm tượng: Cánh buồm làm bằng chất liệu đá xanh cao khoảng 20 mét, lõi kết cấu bê tông cốt thép.

- Vị trí đặt tượng: Vị trí theo quy hoạch được phê duyệt, tượng quay về hướng Đông, phía trước là đường diễu hành, sân quảng trường lát đá và thảm cỏ; phía sau là đồi cảnh quan trồng cây xanh, thảm cỏ và đường dạo.

- Bổ sung hạng mục: Phù điêu hai bên Tượng đài: 02 mảng phù điêu bằng chất liệu đá xanh Thanh Hóa lõi bê tông cốt thép; kích thước mỗi mảng phù điêu khoảng 7,2m x 23m được đặt trên đài bộ cao khoảng 2,5m đến 3m.

6. Tổng mức đầu tư dự án:

- Tổng mức đầu tư đã phê duyệt: 78.800 triệu đồng.

- Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 113.800 triệu (Trong đó, bổ sung hạng mục phù điêu hai bên Tượng đài khoảng 35.000 triệu đồng).

7. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

8. Thời gian thực hiện:

- Thời gian thực hiện đã phê duyệt: Năm 2018 - 2019.

- Thời gian thực hiện điều chỉnh: Năm 2018 - 2020.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký. Công văn số 128/HĐND-VP ngày 19/10/2018 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh với nhân dân Quảng Bình hết hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư; Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình, Đài PTTH Quảng Bình;
- Trung tâm tin học Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Hoàng Đăng Quang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: **70** /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 30 tháng 9 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư
Dự án Hạ tầng Quảng trường trung tâm**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015; Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Qua xem xét Tờ trình số 1566/TTr-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hạ tầng Quảng trường trung tâm; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hạ tầng Quảng trường trung tâm, như sau:

- Thời gian thực hiện đã phê duyệt: Năm 2018 - 2019.
- Thời gian thực hiện điều chỉnh: Năm 2018 - 2020.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội

đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư; Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình, Đài PTTH Quảng Bình;
- Trung tâm tin học Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Hoàng Đăng Quang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **71** /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày 30 tháng 9 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án
phát triển quỹ đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Qua xem xét Tờ trình số 1544/TTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án phát triển quỹ đất trên địa bàn tỉnh; sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án phát triển quỹ đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

1. Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở mới thôn Bắc Phú, xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới

- Tên dự án: Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở mới thôn Bắc Phú, xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới.

- Nhóm dự án: Dự án trọng điểm nhóm C.

- Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh Quảng Bình.

- Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Quảng Bình.

- Tên chủ đầu tư: UBND thành phố Đồng Hới.

- Địa điểm thực hiện dự án: xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới.
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đáp ứng nhu cầu đất ở của nhân dân, cải tạo cảnh quan, môi trường đô thị thành phố; góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.
- Quy mô đầu tư: Tổng diện tích của dự án là 4,67ha, bao gồm các hạng mục: San nền, giao thông, cấp nước, thoát nước mặt, thoát nước thải, cấp điện, cây xanh.
- Vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất:
- Diện tích sử dụng đất khoảng 4,67ha.
- Vị trí tiếp giáp cụ thể như sau:
- + Phía Đông Bắc giáp: Đường Trương Pháp;
- + Phía Tây Bắc giáp: Đường giao thông quy hoạch rộng 15m, giáp đất công cộng và đất ở mới;
- + Phía Tây Nam giáp: Đất quy hoạch thương mại, dịch vụ;
- + Phía Đông Nam giáp: Đất quy hoạch công viên, cây xanh;
- Hiện trạng khu đất đề xuất dự án: Đất trồng rừng sản xuất.
- Tổng mức đầu tư dự án (dự kiến): 44.458 triệu đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất dự án (trước mắt tạm ứng Quỹ phát triển đất tỉnh để thực hiện).
- Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2021.

2. Dự án Khu dân cư phía Tây Nam đường Trương Pháp, xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới

- Tên dự án: Dự án Khu dân cư phía Tây Nam đường Trương Pháp, xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới.
- Nhóm dự án: Dự án trọng điểm nhóm C.
- Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh Quảng Bình.
- Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Quảng Bình.
- Tên chủ đầu tư: Sở Xây dựng.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới.
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ nhằm tạo thành một khu dân cư đô thị hoàn chỉnh, đáp ứng nhu cầu đất ở cho người dân, tạo quỹ đất để xây dựng các công trình phù hợp với quy hoạch, góp phần chỉnh trang, hoàn chỉnh đô thị khu vực dọc theo đường Trương Pháp, xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới, hoàn thành kế hoạch thu ngân sách từ tiền sử dụng đất của tỉnh đặt ra.
- Quy mô đầu tư: Tổng diện tích toàn bộ dự án khoảng 5,65 ha, bao gồm các hạng mục: San nền; Giao thông; cấp nước; Thoát nước mặt; Thoát nước thải; Cấp điện; Cây xanh.
- Vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất:
- Diện tích sử dụng đất khoảng 5,65 ha.
- Vị trí tiếp giáp cụ thể như sau:
- + Phía Đông Bắc giáp: Đường Trương Pháp và đất quy hoạch dịch vụ, kinh doanh tổng hợp;
- + Phía Tây Bắc và Tây Nam giáp: Đất quy hoạch dịch vụ nghỉ dưỡng;

+ Phía Đông Nam giáp: Đất quy hoạch thể thao, cây xanh và quy hoạch khu dân cư.

- Hiện trạng khu đất đề xuất dự án: Đất trồng rừng sản xuất.
- Tổng mức đầu tư dự án (dự kiến): 54.260 triệu đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất dự án (trước mắt tạm ứng Quỹ phát triển đất tỉnh để thực hiện).
- Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2021.

3. Dự án Hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường trục chính từ Quốc lộ 12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn

- Tên dự án: Dự án Hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường trục chính từ Quốc lộ 12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn.

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.
- Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh Quảng Bình.
- Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Quảng Bình.
- Tên chủ đầu tư: UBND thị xã Ba Đồn.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Quảng Hòa, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ nhằm tạo thành một khu dân cư mới, đáp ứng nhu cầu đất ở, nhà ở của người dân trên địa bàn, góp phần di giải dân cư khu vực 2 bên tuyến đường tỉnh lộ 559B, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội khu vực. Dự án hoàn thành sẽ hình thành tuyến giao thông trục chính qua các xã vùng Nam, đáp ứng được nhu cầu đi lại của nhân dân, khắc phục được tình trạng khó khăn trong việc cứu hộ, cứu nạn nhân dân vùng Nam thị xã trong mùa mưa lũ.

- Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật, gồm: giao thông (kết cấu mặt đường láng nhựa hoặc BTXM); san nền (thiết kế cao độ nền thấp hơn trung bình 30- 40 cm so với cao độ khống chế vai đường của các tuyến đường giao thông nằm trong khu vực dự án); cấp điện; cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải đảm bảo phù hợp quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

- Vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất:
- Diện tích sử dụng đất khoảng 9,9ha.
- Vị trí tiếp giáp cụ thể như sau:
 - + Phía Bắc giáp: Ruộng lúa và Khu dân cư.
 - + Phía Nam giáp: Ruộng lúa.
 - + Phía Đông giáp: Ruộng lúa và Khu dân cư.
 - + Phía Tây giáp: Ruộng lúa.
- Hiện trạng khu đất đề xuất dự án: Đất lúa kém hiệu quả.
- Tổng mức đầu tư dự án (dự kiến): 100.000 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất dự án (trước mắt tạm ứng Quỹ phát triển đất tỉnh để thực hiện).
- Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2022.

4. Dự án đầu tư khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Bắc Tỉnh lộ 561, đoạn từ Tỉnh lộ 561 đi Ban Chỉ huy Quân sự huyện Bồ Trạch

- Tên dự án: Dự án đầu tư khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Bắc Tỉnh lộ 561, đoạn từ Tỉnh lộ 561 đi Ban Chỉ huy Quân sự huyện Bồ Trạch.

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.
- Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh Quảng Bình.
- Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Quảng Bình.
- Tên chủ đầu tư: UBND huyện Bồ Trạch.
- Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Hoàn Lão, huyện Bồ Trạch.

- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ nhằm tạo thành một khu dân cư đô thị tập trung, hoàn chỉnh; góp phần hạn chế tình trạng lấn chiếm đất đai và sử dụng đất kém hiệu quả, đáp ứng nhu cầu đất ở cho người dân đồng thời tăng nguồn thu cho ngân sách từ đấu giá quyền sử dụng đất.

- Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật, gồm: Giao thông (kết cấu mặt đường nhựa hoặc BTXM); san nền (thiết kế cao độ nền thấp hơn trung bình 30 - 40 cm so với cao độ không chế vai đường của các tuyến đường giao thông nằm trong khu vực dự án); cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải đảm bảo phù hợp quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

- Vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất:

- Diện tích sử dụng đất khoảng 9,5ha.

- Vị trí tiếp giáp cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp: Khu vực quy hoạch Thương mại dịch vụ.

+ Phía Nam giáp: Đường tỉnh lộ 2.

+ Phía Đông giáp: Khu dân cư dọc Quốc lộ 1A.

+ Phía Tây giáp: Đất ở hiện có, đất nông nghiệp.

- Hiện trạng khu đất đề xuất dự án: Đất lúa; đất BHK; đất BCS; đất ao hồ.

- Tổng mức đầu tư dự án (dự kiến): 70.000 triệu đồng.

- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất dự án (trước mắt tạm ứng Quỹ phát triển đất tỉnh để thực hiện).

- Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2022.

5. Dự án đầu tư khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực chợ Trung Trạch, xã Trung Trạch, huyện Bồ Trạch

- Tên dự án: Dự án đầu tư khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực chợ Trung Trạch, xã Trung Trạch, huyện Bồ Trạch.

- Nhóm dự án: Dự án trọng điểm nhóm C.
- Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh Quảng Bình.
- Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Quảng Bình.
- Tên chủ đầu tư: UBND huyện Bồ Trạch.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Trung Trạch, huyện Bồ Trạch.

- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ nhằm tạo thành một khu dân cư đô thị tập trung, hoàn chỉnh. Góp phần hạn chế tình trạng lấn chiếm đất đai và sử dụng đất kém hiệu quả, đáp ứng nhu cầu đất ở cho người dân đồng thời tăng nguồn thu cho ngân sách từ đấu giá quyền sử dụng đất.

- Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật, gồm: giao thông (kết cấu mặt đường nhựa hoặc BTXM); san nền (thiết kế cao độ nền thấp hơn trung bình 30 - 40 cm so với cao độ khống chế vai đường của các tuyến đường giao thông nằm trong khu vực dự án); cấp điện; cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải đảm bảo phù hợp quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

- Vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất:
- Diện tích sử dụng đất khoảng 5,0ha.
- Vị trí tiếp giáp cụ thể như sau:
 - + Phía Bắc giáp: Tuyến đường từ Quốc lộ đi biển Trung Trạch;
 - + Phía Nam giáp: Khu dân cư thôn 4;
 - + Phía Đông giáp: Đất nông nghiệp;
 - + Phía Tây giáp: Khu vực chợ Trung Trạch;
- Hiện trạng khu đất đề xuất dự án: Bao gồm các loại đất: Đất lúa; đất BCS; đất ao hồ.
- Tổng mức đầu tư dự án (dự kiến): 40.000 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất dự án (trước mắt tạm ứng Quỹ phát triển đất tỉnh để thực hiện).
- Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2021.

6. Dự án đầu tư khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực Đồng Bùn xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch

- Tên dự án: Dự án đầu tư khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực Đồng Bùn xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch.
- Nhóm dự án: Dự án trọng điểm nhóm C.
- Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh Quảng Bình.
- Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Quảng Bình.
- Tên chủ đầu tư: UBND huyện Bố Trạch.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch.
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ nhằm tạo thành một khu dân cư đô thị tập trung, hoàn chỉnh. Góp phần hạn chế tình trạng lấn chiếm đất đai và sử dụng đất kém hiệu quả, đáp ứng nhu cầu đất ở cho người dân đồng thời tăng nguồn thu cho ngân sách từ đấu giá quyền sử dụng đất.

- Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật, gồm: giao thông (kết cấu mặt đường nhựa hoặc BTXM); san nền (thiết kế cao độ nền thấp hơn trung bình 30 - 40 cm so với cao độ khống chế vai đường của các tuyến đường giao thông nằm trong khu vực dự án); cấp điện; cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải đảm bảo phù hợp quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

- Vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất:
- Diện tích sử dụng đất khoảng 4,9ha.
- Vị trí tiếp giáp cụ thể như sau:
 - + Phía Bắc giáp: Đường liên xã Nhân Trạch, Lý Trạch;
 - + Phía Nam giáp: Tuyến Đường Quang Phú - đi xã Lý Trạch;
 - + Phía Đông giáp: Đất nông nghiệp;
 - + Phía Tây giáp: Khu dân cư hiện có;

- Hiện trạng khu đất đề xuất dự án: Đất lúa; đất ao hồ.
- Tổng mức đầu tư dự án (dự kiến): 50.000 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất dự án (trước mắt tạm ứng Quỹ phát triển đất tỉnh để thực hiện).
- Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2021.

7. Dự án đầu tư khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Nam chi nhánh Lâm trường Rừng Thông Bồ Trạch, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bồ Trạch

- Tên dự án: Dự án đầu tư khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Nam chi nhánh Lâm trường Rừng Thông Bồ Trạch, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bồ Trạch.

- Nhóm dự án: Dự án trọng điểm nhóm C.
- Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh Quảng Bình.
- Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Quảng Bình.
- Tên chủ đầu tư: UBND huyện Bồ Trạch.
- Địa điểm thực hiện dự án: thị trấn Hoàn Lão, huyện Bồ Trạch.
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ nhằm tạo thành một khu dân cư đô thị tập trung, hoàn chỉnh. Góp phần hạn chế tình trạng lấn chiếm đất đai và sử dụng đất kém hiệu quả, đáp ứng nhu cầu đất ở cho người dân đồng thời tăng nguồn thu cho ngân sách từ đấu giá quyền sử dụng đất.

- Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật, gồm: giao thông (kết cấu mặt đường nhựa hoặc BTXM); san nền (thiết kế cao độ nền thấp hơn trung bình 30 - 40 cm so với cao độ khống chế vai đường của các tuyến đường giao thông nằm trong khu vực dự án); cấp điện; cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải đảm bảo phù hợp quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

- Vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất:
- Diện tích sử dụng đất khoảng 4,9ha.
- Vị trí tiếp giáp cụ thể như sau:
 - + Phía Bắc giáp: Khu dân cư hiện có; Khu vực bến xe Hoàn Lão.
 - + Phía Nam giáp: Khu dân cư, Khu vực thương mại, dịch vụ.
 - + Phía Đông giáp: Khu dân cư dọc Quốc lộ 1A.
 - + Phía Tây giáp: Khu vực quy hoạch trụ sở cơ quan.
- Hiện trạng khu đất đề xuất dự án: Đất lúa; đất ao hồ.
- Tổng mức đầu tư dự án (dự kiến): 45.000 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất dự án (trước mắt tạm ứng Quỹ phát triển đất tỉnh để thực hiện).
- Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2021.

8. Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn

- Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn.
- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.
- Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh Quảng Bình.

- Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Quảng Bình.
- Tên chủ đầu tư: UBND thị xã Ba Đồn.
- Địa điểm thực hiện dự án: phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn.
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ nhằm tạo thành một khu dân cư đô thị tập trung, hoàn chỉnh; góp phần hạn chế tình trạng lấn chiếm đất đai và sử dụng đất kém hiệu quả, đáp ứng nhu cầu đất ở cho người dân đồng thời tăng nguồn thu cho ngân sách từ đầu giá quyền sử dụng đất.
- Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật, gồm: giao thông (kết cấu mặt đường nhựa hoặc BTXM); san nền (thiết kế cao độ nền thấp hơn trung bình 30 - 40 cm so với cao độ khống chế vai đường của các tuyến đường giao thông nằm trong khu vực dự án); cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải đảm bảo phù hợp quy hoạch chi tiết được phê duyệt.
 - Vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất:
 - Diện tích sử dụng đất khoảng 15ha.
 - Vị trí tiếp giáp cụ thể như sau:
 - + Phía Bắc giáp: Đường quy hoạch ra biển (đường Võ Nguyên Giáp).
 - + Phía Nam giáp: Địa giới hành chính phường Quảng Phúc.
 - + Phía Đông giáp: Đất trồng lúa của TDP Thọ Đơn.
 - + Phía Tây giáp: Đường Nguyễn Hữu Cảnh.
 - Hiện trạng khu đất đề xuất dự án: Đất lúa, đất trồng cây hằng năm khác, đất vườn và đất giao thông, thùy lợi.
 - Tổng mức đầu tư dự án (dự kiến): 140.000 triệu đồng.
 - Nguồn vốn đầu tư: Nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất dự án (trước mắt tạm ứng Quỹ phát triển đất tỉnh để thực hiện).
 - Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2022.

9. Dự án Khu dân cư thôn Phan Xá, xã Xuân Thủy, huyện Lệ Thủy

- Tên dự án: Dự án Khu dân cư thôn Phan Xá, xã Xuân Thủy, huyện Lệ Thủy.
- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.
- Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh Quảng Bình.
- Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Quảng Bình.
- Tên chủ đầu tư: UBND huyện Lệ Thủy.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Xuân Thủy, huyện Lệ Thủy.
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ nhằm tạo thành một khu dân cư tập trung, hoàn chỉnh; đáp ứng nhu cầu đất ở cho người dân đồng thời tăng nguồn thu cho ngân sách từ đầu giá quyền sử dụng đất.
- Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật, gồm: san nền; giao thông; cấp điện; cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải đảm bảo phù hợp quy hoạch chi tiết được phê duyệt.
 - Vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất:
 - Diện tích sử dụng đất khoảng 9,7ha.
 - Vị trí tiếp giáp cụ thể như sau:
 - + Phía Đông Bắc giáp: Đất quy hoạch đất công cộng và đất ở.

- + Phía Tây Bắc giáp: Quốc lộ 9C quy hoạch rộng 32m.
- + Phía Tây Nam giáp: Đất quy hoạch đất dự phòng.
- + Phía Đông Nam giáp: Đất quy hoạch đất phát triển đô thị.
- Hiện trạng khu đất đề xuất dự án: Đất trồng lúa.
- Tổng mức đầu tư dự án (dự kiến): 81.500 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất dự án (trước mắt tạm ứng Quỹ phát triển đất tỉnh để thực hiện).
- Thời gian thực hiện đầu tư: Năm 2019 - 2022.

10. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy

- Tên dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B
- Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh.
- Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh.
- Tên chủ đầu tư: UBND huyện Lệ Thủy.
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ nhằm tạo thành một khu dân cư tập trung, hoàn chỉnh; đáp ứng nhu cầu đất ở cho người dân đồng thời tăng nguồn thu cho ngân sách từ đấu giá quyền sử dụng đất.

- Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật, gồm: san nền; giao thông; cấp điện; cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải đảm bảo phù hợp quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

- Vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất:
- Diện tích sử dụng đất: 9,6 ha.
- Vị trí tiếp giáp như sau:
- + Phía Đông Bắc giáp: Đường quy hoạch rộng 22,5 m.
- + Phía Tây Bắc giáp: Đường 30 (đường BTXM rộng 3,5 m).
- + Phía Tây Nam giáp: Giáp đường quy hoạch rộng 34 m.
- + Phía Đông Nam giáp: Đất quy hoạch đất ở mới.
- Hiện trạng sử dụng đất: Đất trồng lúa.
- Tổng mức đầu tư dự án (dự kiến): 75,587 tỷ đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất dự án (trước mắt tạm ứng Quỹ phát triển đất tỉnh để thực hiện).
- Thời gian thực hiện đầu tư: 2019-2022.

11. Dự án Khu dân cư phía Nam đường Mai - An, TDP Xuân Giang, thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy

- Tên dự án: Dự án Khu dân cư phía Nam đường Mai - An, TDP Xuân Giang, thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy.
- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.
- Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh Quảng Bình.
- Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Quảng Bình.
- Tên chủ đầu tư: UBND huyện Lệ Thủy.

- Địa điểm thực hiện dự án: TDP Xuân Giang, thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy.

- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ nhằm tạo thành một khu dân cư hoàn chỉnh, đáp ứng nhu cầu đất ở cho người dân, tạo quỹ đất để xây dựng các công trình, góp phần chỉnh trang đô thị, phù hợp với không gian kiến trúc cũng như từng bước hoàn thiện quy hoạch chung đô thị Kiến Giang. Đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân, tạo nguồn thu ngân sách từ đầu giá quyền sử dụng đất.

- Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật, gồm: giao thông (kết cấu mặt đường nhựa hoặc BTXM); san nền (thiết kế cao độ nền thấp hơn trung bình 30- 40 cm so với cao độ khống chế vai đường của các tuyến đường giao thông nằm trong khu vực dự án); cấp điện; cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải đảm bảo phù hợp quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

- Vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất:

- Diện tích sử dụng đất khoảng 8,5ha.

- Vị trí tiếp giáp cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp: Đất trồng lúa (khu quy hoạch Trung tâm TDTT huyện Lệ Thủy).

+ Phía Nam giáp: Đất trồng lúa.

+ Phía Đông giáp: Quốc lộ 9C.

+ Phía Tây giáp: Đất trồng lúa.

- Hiện trạng khu đất đề xuất dự án: Đất trồng lúa.

- Tổng mức đầu tư dự án (dự kiến): 77.000 triệu đồng.

- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất dự án (trước mắt tạm ứng Quỹ phát triển đất tỉnh để thực hiện).

- Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2022.

12. Dự án khu dân cư thôn Đông Thành, xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy

- Tên dự án: Dự án khu dân cư thôn Đông Thành, xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy.

- Nhóm dự án: Dự án trọng điểm nhóm C.

- Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh Quảng Bình.

- Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Quảng Bình.

- Tên chủ đầu tư: UBND huyện Lệ Thủy.

- Địa điểm thực hiện dự án: Thôn Đông Thành, xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy.

- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ nhằm tạo thành một khu dân cư hoàn chỉnh, đáp ứng nhu cầu đất ở cho người dân, tạo quỹ đất để xây dựng các công trình, góp phần chỉnh trang đô thị, phù hợp với không gian kiến trúc cũng như từng bước hoàn thiện quy hoạch chung đô thị Kiến Giang. Đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân, tạo nguồn thu ngân sách từ đầu giá quyền sử dụng đất.

- Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật, gồm: giao thông (kết cấu mặt đường nhựa hoặc BTXM); san nền (thiết kế cao độ nền thấp hơn trung bình 30- 40 cm so với cao độ khống chế vai đường của các tuyến đường giao thông nằm trong khu vực dự án); cấp điện; cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải đảm bảo phù hợp quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

- + Phía Đông Nam giáp: Giáp đường quy hoạch rộng 27m.
- + Phía Tây Nam giáp: Giáp đường quy hoạch rộng 27m.
- + Phía Tây Bắc giáp: Khu đất ở cũ.
- Hiện trạng khu đất đề xuất dự án: Đất trồng lúa.
- Tổng mức đầu tư dự án (dự kiến): 46.500 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất dự án (trước mắt tạm ứng Quỹ phát triển đất tỉnh để thực hiện).
- Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2022.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH QB;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Hoàng Đăng Quang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

Số: 72 /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 30 tháng 9 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tuyến đường chính Quốc lộ 12A đi vùng Nam, đoạn từ xã Quảng Lộc đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015; Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Qua xem xét Tờ trình số 1565/TTr-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tuyến đường chính Quốc lộ 12A đi vùng Nam, đoạn từ xã Quảng Lộc đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tuyến đường chính Quốc lộ 12A đi vùng Nam, đoạn từ xã Quảng Lộc đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn với các nội dung sau:

1. Tên Dự án: Tuyến đường chính Quốc lộ 12A đi vùng Nam, đoạn từ xã Quảng Lộc đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn

2. Đơn vị được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Ủy ban nhân dân thị xã Ba Đồn.

3. Mục tiêu đầu tư:

- Tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Nam sông Gianh nói riêng và thị xã Ba Đồn nói chung. Đẩy nhanh tốc độ hội nhập kinh tế khu vực, phục vụ đi lại, giao thương, vận chuyển vật tư, vật liệu và hàng hóa... nhằm từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu vực phía Nam Sông Gianh.

- Phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn cho đồng bào nhân dân các xã vùng Nam khi thiên tai bão lũ xảy ra;

- Tạo tiền đề cho việc khai thác quỹ đất để phát triển đô thị và phục vụ di dân các khu vực vùng lũ tại các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn.

- Kết nối giao thông giữa trung tâm các phường, thị xã Ba Đồn với các xã vùng Nam. Góp phần chỉnh trang, đồng bộ cơ sở hạ tầng của thị xã Ba Đồn.

4. Quy mô đầu tư và giải pháp kỹ thuật:

a. Hướng tuyến, chiều dài tuyến: Tuyến đường bắt đầu từ vị trí giao với tuyến đường liên xã Quảng Lộc đi Quảng Hòa - Quảng Minh, điểm cuối giao với đường từ Quảng Sơn đi ga Minh Lệ xã Quảng Minh. Tổng chiều dài tuyến khoảng 3,5km.

Hướng tuyến tuân thủ theo quy hoạch chung thị xã Ba Đồn được phê duyệt tại Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của UBND tỉnh.

b. Trắc ngang tuyến:

- Trắc ngang đại diện: Bnền=18,0m; Bmặt=9,5m; Blề trái=2,5m; Blề phải=6,0m.

c. Kết cấu nền, mặt đường: Mặt đường cấp cao A2.

d. Hệ thống thoát nước, công trình trên tuyến: Tùy theo thực tế địa hình để bố trí hệ thống thoát nước cho phù hợp.

5. Địa điểm đầu tư: Các xã: Quảng Hòa, Quảng Minh, Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

6. Tổng mức đầu tư: 70.000 triệu đồng (Bảy mươi tỷ đồng).

7. Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn

7.1. Nguồn vốn

- Ngân sách tỉnh, ngân sách thị xã Ba Đồn và các nguồn vốn hợp pháp khác.

7.2. Khả năng cân đối vốn

- Vốn ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh thông qua tại Công văn số 132/HĐND-VP ngày 26/7/2019: 15 tỷ đồng, bố trí trong năm 2019.

- Vốn ngân sách thị xã Ba Đồn: 5 tỷ đồng, bố trí vào năm 2020.

- Vốn đầu tư công công và vốn khác thuộc ngân sách tỉnh: 50 tỷ đồng, bố trí từ năm 2021 đến 2022.

8. Thời gian thực hiện:

- Năm 2019: Chuẩn bị dự án, thực hiện đền bù GPMB.
- Năm 2020 - 2022: Khởi công - hoàn thành Dự án.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư; Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình, Đài PTTH Quảng Bình;
- Trung tâm tin học Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Hoang Đăng Quang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

Số: 73 /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 30 tháng 9 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 24/10/2016 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng công viên vui chơi giải trí thuộc Khu công viên Cầu Rào và danh mục dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, thành phố Đồng Hới

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

Qua xem xét Tờ trình số 1531/TTr-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 24/10/2016 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng công viên vui chơi giải trí thuộc Khu công viên Cầu Rào và danh mục dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, thành phố Đồng Hới; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng công viên vui chơi giải trí thuộc Khu công viên Cầu Rào và danh mục dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, thành phố Đồng Hới, như sau:

"2. Danh mục dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, thành phố Đồng Hới:

- Tên dự án: Khu nhà ở thương mại phía Đông đường Nguyễn Văn Linh.
- Mục tiêu: Tạo quỹ đất ở để thu tiền cấp quyền sử dụng đất.
- Diện tích sử dụng đất: 30.433,5m².
- Đất hiện trạng: Đất bờ thửa, ao hồ.
- Chức năng sử dụng đất theo quy hoạch:

+ Đất ở thương mại	13.291,8 m ² .
+ Đất công viên cây xanh	8.975,1 m ² .
+ Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật	8.166,6 m ² .
Tổng cộng	30.433,5 m ² .
- Phạm vi ranh giới:
 - + Phía Bắc giáp đường Lý Thường Kiệt;
 - + Phía Nam giáp đường quy hoạch 27m;
 - + Phía Đông giáp sông Cầu Rào;
 - + Phía Tây giáp đường Nguyễn Văn Linh."

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Quảng Bình, Đài PTTH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu : VT, TH.

CHỦ TỊCH



Hoàng Đăng Quang

NGHỊ QUYẾT

Về việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Qua xem xét Tờ trình số 1521/TTr-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua bổ sung, điều chỉnh kế hoạch thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình gồm 09 dự án, với tổng diện tích 121.210,9 m², cụ thể như sau:

1. Bổ sung 07 dự án, với tổng diện tích 113.688,9 m² đất, trong đó:

1.1. Bổ sung 06 dự án thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 04 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai), với diện tích 110.238,9 m².

1.2. Bổ sung 01 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật đất đai, với diện tích 3.450,0 m².

2. Điều chỉnh 02 dự án tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, với tổng diện tích 7.522,0 m².

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Hoàng Đăng Quang

DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT; CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH
(Kèm theo Nghị quyết số 74 /NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

(Đơn vị tính m²)

TT	Hạng mục	Diện tích	Loại đất thu hồi; chuyển mục đích sử dụng						Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	Điểm
			Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất nông nghiệp còn lại	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng			
1	Bổ sung mới 07 dự án.	113.688,9	27.511,50	-	-	71.134,80	14.157,70	884,50			
1	Bổ sung 06 dự án thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 04 Dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai)	110.238,9	24.997,7	0,0	0,0	70.622,4	13.734,3	884,5			
1.1	Dự án Khu thể dục thể thao xã Phong Hóa	22.519,2	21.486,8				1.032,4			Xã Phong Hóa, huyện Tuyên Hóa	
1.2	Dự án nâng cấp mở rộng đường giao thông từ Quốc lộ 1A đến Nhà Văn hóa thôn 2 xã Trung Trạch	10.806,6	1.675,9			735,0	7.511,2	884,5		Xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	
1.3	Dự án Kè chống sạt lở bờ hữu Khe Ngòi Trong (Rào Con)	6.322,6				2.281,1	4.051,5			Xã Nhân Trạch, huyện Bố Trạch	
1.4	Dự án mở rộng Khu nghĩa địa tại xã Quảng Đông phục vụ công tác GPMB Trung tâm điện lực Quảng Trạch	68.000,0				66.960,0	1.040,0			Xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch	
1.5	Dự án xây dựng Trụ sở Chi cục thống kê huyện Bố Trạch	2.363,3	1.833,6			529,7				TT Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	
1.6	Dự án Tuyến điện chiếu sáng từ Trạm thu phí Cầu Quán Hầu đến Khu vực dự án quần thể Resort, biệt thự nghỉ dưỡng và giải trí cao cấp FLC Quảng Bình	217,2	1,4			116,6	99,2			Xã Võ Ninh, xã Gia Ninh; huyện Quảng Ninh	
2	Bổ sung 01 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai	3.450,0	2.514,2	0,0	0,0	512,4	423,4	0,0			
2.1	Dự án Trung tâm dịch vụ bảo vệ môi trường	3.450,0	2.514,2			512,4	423,4			Phường Đông Phú, thành phố Đông Hải	
II	Điều chỉnh 02 dự án tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh (trong đó có 01 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa)	7.522,0	1.406,0	0,0	0,0	2.720,7	545,3	2.850,0			
2.1	Dự án Nhà máy sản xuất gạch không nung (Mục đích: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi ĐB phê duyệt nông nghiệp)	4.600,0	1.100,0			2.900,0	400,0	200,0		Xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	
2.2	Dự án Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Duy Hưng (Mục đích: Đất thương mại dịch vụ)	4.322,0	1.406,0			2.520,7	395,3			Xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	
2.2	Dự án Nhà văn hóa thôn 1 Thanh Tân, xã Thanh Thủy (thuộc Phụ lục 1, mục b, điểm 88)	2.500,0						2.500,0		Xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy	
2.2		3.200,0				200,0	150,0	2.850,0		Xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy	
Tổng		121.210,9	28.917,9	0,0	0,0	73.855,5	14.703,0	3.734,5			

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng
sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định thi hành chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Qua xem xét Tờ trình số 1585/TTr-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với 10 dự án có diện tích rừng xin chuyển đổi 160,53539 ha; trong đó: rừng trồng phòng hộ: 16,0 ha; rừng trồng sản xuất trong quy hoạch 3 loại rừng: 40,43926 ha; rừng trồng sản xuất ngoài quy hoạch 3 loại rừng: 104,09613 ha.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.



CHỦ TỊCH

Hoàng Đăng Quang

Phụ lục:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

TT	Tên tổ chức đề nghị/ Tên công trình dự án	Địa chỉ khu đất (xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích không có rừng (ha)	Diện tích có rừng chuyên mục đích sử dụng (ha)	Trong đó				Trong đó		Vị trí theo bản đồ Quy hoạch 3 loại rừng
						Rừng trồng phòng hộ	Rừng trồng sản xuất trong QH 3 loại rừng	Rừng trồng sản xuất ngoài QH 3 loại rừng	Phần theo loại rừng			
									Rừng trồng	Rừng tự nhiên		
	Chuyên mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 10 dự án.		225,51014	57,04689	160,53539	16,0000	40,43926	104,09613	160,53539	-	-	
1	Công ty TNHH TV&XD Phong An		1,75404	0,03835	1,71569	-	-	1,71569	1,71569	-	-	
-	Dự án Trạm dừng nghỉ tại Km690+700(T) tuyến tránh vượt lộ tỉnh Quảng Bình	Xã Hồng Thủy, huyện Lệ Thủy	1,75404	0,03835	1,71569	-	-	1,71569	1,71569	-	-	K5-TK372
2	Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Hoàng Gia		3,97044	0,13651	3,83393	-	-	3,83393	3,83393	-	-	
-	Dự án Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp	Xã Thuận Đức, TP. Đồng Hới	3,97044	0,13651	3,83393	-	-	3,83393	3,83393	-	-	K1-NTK1
3	Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Trường Hải		40,0000	24,0000	16,0000	16,0000	-	-	16,0000	-	-	
-	Dự án Khu phức hợp du lịch, nghỉ dưỡng ven biển Thanh Trạch	Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch	40,0000	24,0000	16,0000	16,0000	-	-	16,0000	-	-	K1-NTK
4	Ủy ban nhân dân xã Hồng Thủy		2,43249	0,98713	1,44536	-	-	1,44536	1,44536	-	-	
-	Dự án phát triển quỹ đất tại thôn Đồng Hải, xã Hồng Thủy (giai đoạn 1)	Xã Hồng Thủy, huyện Lệ Thủy	2,43249	0,98713	1,44536	-	-	1,44536	1,44536	-	-	K2-TK372
5	Công ty TNHH Năng lượng xanh Dohwa		77,2950	28,3750	48,9200	-	-	48,9200	48,9200	-	-	
-	Dự án Nhà máy điện mặt trời 49,5MWp thuộc tổ hợp dự án điện năng lượng tái tạo Dohwa Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.	Xã Hưng Thủy, Cam Thủy, Ngư Thủy Bắc huyện Lệ Thủy	77,2950	28,3750	48,9200	-	-	48,9200	48,9200	-	-	K4-TK395C; K4-TK398C; K3-TK395B; K5-TK396C; K1-TK395A; K2-TK396A; K1, 2 - TK 398A.

TT	Tên tổ chức đề nghị/ Tên công trình dự án	Địa chỉ khu đất (xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích không có rừng (ha)	Diện tích có rừng chuyên mục đích sử dụng (ha)	Trong đó						Vị trí theo bản đồ Quy hoạch 3 loại rừng
						Rừng trồng phòng hộ	Rừng trồng sản xuất trong QH 3 loại rừng	Rừng trồng sản xuất ngoài QH 3 loại rừng	Phân theo loại rừng			
									Rừng trồng	Rừng tự nhiên		
6	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Quảng Trạch		15,68394	-	7,75608	-	-	7,75608	7,75608	-		
-	Thao trường bắn súng bộ binh, hỏa lực tại xã Quảng Trường, huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	Xã Quảng Trường, huyện Quảng Trạch	15,68394	-	7,75608	-	-	7,75608	7,75608	-	K1 - TK 180E	
7	Ban quản lý Khu Kinh tế		6,8000	0,1040	6,6960			6,6960	6,6960			
-	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Khu nghĩa địa phục vụ công tác GPMB Trung tâm điện lực Quảng Bình	Xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch	6,8000	0,1040	6,6960			6,6960	6,6960		K2 - TK151.	
8	Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh		41,91207	-	41,91207	-	8,1830	33,72907	41,91207			
-	Dự án Khu du lịch và dịch vụ tại xã Bảo Ninh	Xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới	41,91207	-	41,91207	-	8,1830	33,72907	41,91207		K1 - TK 359; K2 - TK 380.	
9	Công ty TNHH Tập Đoàn Sơn Hải		19,77000	3,40590	16,3641	-	16,3641		16,3641	-		
-	Dự án Xây dựng khu resort, khách sạn nghỉ dưỡng tại xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới	Xã Bảo Ninh, T.P Đồng Hới	19,77000	3,4059	16,3641	-	16,3641		16,3641	-	TK360, xã Bảo Ninh, T.P Đồng Hới	
10	UBND huyện Quảng Trạch		15,89216	0,00000	15,89216	-	15,89216		15,89216	-		
-	Dự án: Đầu tư xây dựng công trình Tuyên truyền Quốc lộ 1A đoạn qua Đèo Con, tỉnh Hà Tĩnh và tỉnh Quảng Bình (tại xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch)	Xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch	15,89216		15,89216	-	15,89216		15,89216	-	Xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch	

Số: **76** /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày **30** tháng 9 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã
tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2019 - 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021;

Xét Tờ trình số 1536/TTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh về việc đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2019 - 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2019 - 2021.

(Có Đề án kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh các thủ tục, hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND, các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình, Đài PT - TH tỉnh Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Hoàng Đăng Quang

NGHỊ QUYẾT

Về việc sáp nhập, hợp nhất và đổi tên thôn, tổ dân phố của các xã, thị trấn thuộc các huyện Tuyên Hóa, Quảng Ninh, Lệ Thủy và thị xã Ba Đồn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết Liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 1595/TTr-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc sáp nhập, hợp nhất thôn, tổ dân phố và đổi tên tiểu khu thành tổ dân phố của các xã, thị trấn thuộc các huyện: Tuyên Hóa, Quảng Ninh, Lệ Thủy và thị xã Ba Đồn; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sáp nhập, hợp nhất và đổi tên thôn, tổ dân phố của các xã, thị trấn thuộc các huyện: Tuyên Hóa, Quảng Ninh, Lệ Thủy và thị xã Ba Đồn như sau:

I. Huyện Tuyên Hóa:

1. Xã Lâm Hóa:

- Hợp nhất thôn 1 và thôn 2 thành thôn Tiền Phong;
- Sáp nhập thôn 3 vào bản Chuối thành bản Chuối.

2. Xã Văn Hóa:

- Hợp nhất thôn Thượng Phú và thôn Hà Thầu thành thôn Lê Lợi;
- Sáp nhập thôn Xuân Tổng vào thôn Xuân Sơn thành thôn Xuân Sơn;
- Sáp nhập một phần thôn Đình Miếu vào thôn Phúc Tự thành thôn Phúc Tự;
- Hợp nhất một phần thôn Đình Miếu và thôn Trung Làng thành thôn Trung Đình.

II. Huyện Quảng Ninh:

1. Thị trấn Quán Hàu:

- Hợp nhất Tiểu khu 7 và Tiểu khu 6 thành Tổ dân phố Trung Trinh;

- Đổi tên Tiểu khu 1 thành Tổ dân phố Làng Vắn;
- Đổi tên Tiểu khu 2 thành Tổ dân phố Phú Bình;
- Đổi tên Tiểu khu 3 thành Tổ dân phố Bình Minh;
- Đổi tên Tiểu khu 4 thành Tổ dân phố Văn Hùng;
- Đổi tên Tiểu khu 5 thành Tổ dân phố Hùng Phú.

2. Xã Võ Ninh:

- Hợp nhất thôn Hữu Hậu và thôn Thượng thành thôn Thượng Hậu.

III. Huyện Lệ Thủy:

1. Thị trấn Nông trường Lệ Ninh:

- Sáp nhập Tổ dân phố Phú Cường vào Tổ dân phố 1 thành Tổ dân phố 1;
- Hợp nhất Tổ dân phố 2A, một phần Tổ dân phố 2B và một phần Tổ dân phố 2C thành Tổ dân phố 2;
- Hợp nhất một phần Tổ dân phố 3A và Tổ dân phố 3B thành Tổ dân phố 3;
- Sáp nhập một phần Tổ dân phố 3A và một phần Tổ dân phố 2C vào Tổ dân phố Liên Cơ thành Tổ dân phố Liên Cơ;
- Sáp nhập Tổ dân phố 5 vào Tổ dân phố 4 thành Tổ dân phố 4;
- Sáp nhập một phần Tổ dân phố 2B vào Tổ dân phố 6 thành Tổ dân phố 6.

2. Xã Thái Thủy:

- Sáp nhập thôn Thái Sơn vào thôn Nam Thái thành thôn Nam Thái;
- Sáp nhập thôn An Lão vào thôn Bắc Thái thành thôn Bắc Thái.

IV. Thị xã Ba Đồn:

1. Xã Quảng Lộc:

- Hợp nhất thôn Vĩnh Phước Đông, thôn Vĩnh Phước Tây và thôn Vĩnh Phước Nam thành thôn Vĩnh Phước.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Nghị quyết này đều bãi bỏ.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể có liên quan;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Hoàng Đăng Quang

Số: 78 /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày 30 tháng 9 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Đề án thành lập thị trấn Phong Nha trên cơ sở nguyên trạng xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVII, KỶ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Xét Tờ trình số 1542/TTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua Đề án thành lập thị trấn Phong Nha trên cơ sở nguyên trạng xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án thành lập thị trấn Phong Nha trên cơ sở nguyên trạng xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

(Có Đề án kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh các thủ tục, hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND, các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Thường trực HĐND, UBND huyện Bố Trạch;
- Báo Quảng Bình, Đài PT - TH tỉnh Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Hoàng Đăng Quang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: **79** /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày 30 tháng 9 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Về việc miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân
tỉnh Quảng Bình, nhiệm kỳ 2016 - 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Sau khi xem xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, nhiệm kỳ 2016 - 2021 và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với bà Nguyễn Thị Lài.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan liên quan và bà Nguyễn Thị Lài thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND, các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình, Đài PT - TH tỉnh Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Hoàng Đăng Quang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: 80/NQ-HĐND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày 30 tháng 9 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về việc xác nhận kết quả bầu cử bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân
tỉnh Quảng Bình, nhiệm kỳ 2016 - 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ kết quả bầu cử tại Biên bản kiểm phiếu bầu cử bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, nhiệm kỳ 2016 - 2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả bầu cử bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với các ông có tên sau:

1. Ông Lê Văn Vỹ, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
2. Ông Trần Hải Quân, Giám đốc Công an tỉnh;
3. Ông Trần Chí Tiến, Giám đốc Sở Tư pháp;
4. Ông Phan Phong Phú, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

(Có Biên bản kiểm phiếu bầu cử và lý lịch trích ngang kèm theo)

Điều 2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khoá XVII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND, các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình, Đài PT - TH tỉnh Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Hoàng Đăng Quang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG ÔNG PHAN PHONG PHÚ

(Kèm theo Nghị quyết số: **80 /NQ-HDND** ngày **30** tháng **9** năm **2019**
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Họ và tên: **Phan Phong Phú**

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/11/1970

Quê quán: Xã Phú Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 1, phường Đồng Mỹ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

Ngày vào Đảng CSVN: 19/7/2001

Ngày chính thức: 19/7/2002

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ lý luận Chính trị: Cao cấp

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế và Kỹ sư Thủy lợi

Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG ÔNG LÊ VĂN VỸ

(Kèm theo Nghị quyết số: *80/NQ-HĐND* ngày *30* tháng *9* năm *2019*
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Họ và tên: **Lê Văn Vỹ** Giới tính: **Nam**

Sinh ngày: **19/11/1969**

Quê quán: **Xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình**

Dân tộc: **Kinh**

Tôn giáo: **Không**

Ngày vào Đảng CSVN: **31/01/1993**

Ngày chính thức: **31/01/1994**

Trình độ học vấn: **12/12**

Trình độ lý luận Chính trị: **Cao cấp**

Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Quân sự**

Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay: **Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG ÔNG TRẦN HẢI QUÂN

*(Kèm theo Nghị quyết số: 80/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)*

Họ và tên: **Trần Hải Quân**

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/8/1970

Quê quán: Phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 17 Triệu Việt Vương, phường Bùi
Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

Ngày vào Đảng CSVN: 12/1996

Ngày chính thức: 12/1997

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ lý luận Chính trị: Cao cấp

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật

Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay: Giám đốc Công an tỉnh.
